TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2024/DSST
Ngày: 09/01/2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Bình.**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Nguyễn Thị Cẩm Hồng**.

Ông **Trần Văn Nghiệm.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Thúy** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên toà: Không tham gia.

Ngày 09 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 357/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2023 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 238/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 238/2023/QĐST-DS ngày 25/12/2023, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: **Nguyễn Ngọc H,** sinh năm 1962.

Địa chỉ: khu phố 4, thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

+ Bi đơn: **Nguyễn Ngọc M**, sinh năm 1963

Địa chỉ: ấp Thạnh Bình, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

(Ông H có mặt, ông M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa ông M trình bày:

Giữa ông và ông M là bạn bè thân thiết với nhau. Do vợ ông M bị bệnh ung thư kéo dài cần tiền để chữa trị nhưng ông M không có tiền, ông M không đi vay đâu được nên nhờ ông vay dùm tiền để đi điều trị bệnh cho vợ. Vì chỗ bạn bè nên ông có đứng ra vay tiền dùm cho ông M nhiều lần với lãi suất từ 03% đến 05% /tháng, ông M hẹn vài tháng trả vốn nhưng không thực hiện. Ngày 21/9/2022 ông M viết biên nhận tổng kết nợ thì ông M còn nợ số tiền

31.000.000đồng và tiền lãi trả dùm là 22.420.000đồng, tổng cộng là 53.420.000đồng.

Trong thời gian vay tiền, ông M không trả lãi đầy đủ nên ông phải trả chàng lãi dùm cho ông M đến ngày 21/9/2022 số tiền lãi đã trả là 22.420.000đồng. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, ông năn nỉ thì chủ nợ đồng ý không tính lãi nữa, chủ nợ cho trả dần vốn nhưng ông M chỉ trả được 02 lần với số tiền 3.000.000đồng thì ngưng cho đến nay.

Nay, ông yêu cầu ông M trả số tiền là 50.420.000đồng, trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi.

* Bị đơn ông M vắng mặt, mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Hồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa ông Nguyễn Ngọc H và ông Nguyễn Ngọc M là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được xem xét giải quyết theo Điều 463 Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 26, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn ông M vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với ông Hồng.

[3] Về nội dung:

Tại phiên tòa, ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu ông M trả số tiền 50.420.000đồng khi án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu khởi kiện của ông H là có cơ sở bởi lẽ giữa ông H, ông M có xác lập hợp đồng vay tài sản với chứng cứ là giấy biên nhận ngày 21/9/2022 do ông M viết và ký tên xác nhận với nội dung có mượn của ông H số tiền tiền 31.000.000đồng và tiền đóng lãi dùm là 22.420.000đồng và cam kết hàng tháng trả 1.500.000đồng nhưng đến nay ông Minh không thực hiện trả nợ theo cam kết đã làm thiệt thòi quyền và lợi ích hợp pháp của ông H.

Tòa án nhiều lần mời ông M đến trình bày ý kiến, hòa giải đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn nhưng ông vắng mặt không có lý do xem như từ bỏ quyền chứng minh của mình cũng như ông không phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của ông H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, cần buộc ông M có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền 50.420.000đồng là có cơ sở phù hợp với Điều 466 Bộ luật dân sự. Do ông H không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông M chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, do ông Minh là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 nên được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 463, 466, 357, 468 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc H.

Buộc ông Nguyễn Ngọc M có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Ngọc H số tiền 50.420.000đồng *(Năm mươi triệu bốn trăm hai mươi ngàn đồng)* khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông H cho đến khi thi hành án xong, ông M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Ông Nguyễn Ngọc M được miễn nộp án phí.

Ông Nguyễn Ngọc H được miễn nộp tạm ứng án phí nên không được hoàn lại.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng, ông M kháng cáo kể từ ngày Tòa án tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Phan Thanh Bình

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- Ñöông söï;
- Löu hoà sô.